

Phẩm 18: KỆ TỤNG

1. Đức Phật nói kệ:

“Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa rộng trong kinh mà nói kệ rằng: Các pháp không bền chắc, đều do phân biệt sinh, do phân biệt tức không, sở phân biệt chẳng có”. Nói tất cả pháp đều chẳng bền vững chân thật, nghĩa là từ phân biệt lưỡng đối mà sinh. Nếu liễu ngộ phân biệt thức không thì biết các pháp xưa nay vắng lặng. Hoặc sinh hoặc diệt đều do phân biệt: Nếu quên phân biệt thì pháp chẳng sinh diệt. Kinh Kim cương Tam-muội cũng chép: Pháp từ phân biệt sinh, lại từ phân biệt diệt, diệt các pháp phân biệt, pháp này chẳng sinh diệt.

“Do lưỡng đối phân biệt, cho nên có thức sinh, thức tám, chín, các thứ như sóng mồi của biển”: Ở đây lại nói thức thứ chín tức kinh Mật Nghiêm cho thức thứ chín là thuần tịnh thức. Trong các kinh luận lại cho chân như là thức thứ chín, đều là tên khác mà thể đồng, nghĩa là chân tục hợp lại mà nói. Nhưng chân như ở đây tức là thật tánh của thức, chẳng phải nương nơi khác mà có tự thể riêng, cũng chẳng phải thể loại mà có thức thứ chín riêng, chỉ do A-lại-da thứ tám phân làm hai vì phần hữu lậu là nhiễm, phần vô lậu là tịnh, chung bảy chuyển thức cho nên nói chín thức. Như bài kệ dưới nói: “Nêu bày A-lại-da, tàng thức rất sâu xa, lia năng thủ sở thủ (lia phần nhiễm), ta nói là chân như (phần tịnh). Đây là khai, tức là văn xuôi thì hợp kệ thì lia trong nghĩa năm cặp của bài tụng.

2. Dùng bốn câu để giải thích duyên khởi các thức:

Lại nữa đây là duyên khởi các thức nên dùng bốn câu để giải thích: 1. Vì thật tánh của thức (ở đây gọi là thức thứ chín cũng gọi là chân như) chỉ có không sinh diệt, như tánh ướt của nước. 2. Bảy chuyển thức đều sinh diệt, như các sóng mồi. 3. Thức A-lại-da thứ tám vừa sinh diệt, vừa không sinh diệt, như biển gồm chứa động tịnh. Cho nên bài kệ trước nói: A-lại-da như biển, chuyển thức đồng sóng mồi. 4. Vô minh điên đảo chấp chẳng sinh diệt, chẳng phải không sinh diệt, như gió mạnh dậy sóng, chẳng phải nước chẳng phải sóng. Cho nên bài kệ trước nói: Thí như sóng biển lớn, đều do gió mạnh dậy.

Nay phẩm kinh này gồm có sáu trăm sáu mươi sáu bài kệ, lặp lại các nghĩa rộng trong kinh. Như bài kệ dưới nói: Niết-bàn có sáu, các sắc có tám, các uẩn và Phật đều có hai mươi bốn, loại danh số này rất nhiều. Trong các phẩm trước đều không có văn.

Trong năm cặp nghĩa văn xuôi không có kệ thì có, thấy kinh luận

và chương sơ giải thích, nên không dám nói theo ý mình, đợi đến các bậc hiền triết phê phán, còn lại trong bốn cặp chưa giải thích cũng như vậy.

3. Chuyển phiền não được Niết-bàn, chuyển chướng sở tri chứng Vô thượng giác:

“Thói quen thường thêm lớn, bàn căn nương vững chắc... cho đến chuyển y tức giải thoát”. Nghĩa chuyển y trước đã giải thích sơ lược. Thức luận lại chép: Bồ-tát khi chưa thấy đạo trở đi, vì dứt các nghiệp chướng, lại thường tu tập trí vô phân biệt... cho đến xả bỏ hai chướng thô nặng kia (hạt giống của hai chướng gọi là hai thô nặng), liền có thể chứng được chuyển y rộng lớn. Y, nghĩa là y tha, tức là y tha khởi, cùng pháp nhiệm tịnh làm chỗ nương. Nhiễm, nghĩa là biến kế sở chấp luống dối. Tịnh, là viên thành thật tánh chân thật. Chuyển, là hai phần chuyển xả chuyển đắc. Do thường tu tập trí vô phân biệt dứt hai thứ thô nặng chướng trong bản thức, cho nên có thể chuyển xả biến kế sở chấp trong y tha khởi, và năng chuyển được trong y tha khởi. Do chuyển phiền não được Đại Niết-bàn, chuyển sở tri chướng chứng Vô thượng giác. Hoặc y tức là duy thức chân như, là chỗ nương của sinh tử, Niết-bàn. Kẻ ngu điên đảo quên chân như đây, cho nên từ vô thủy đến nay chịu khổ sinh tử, bậc Thánh lia điên đảo mà chứng ngộ. Chân như này liền được Niết-bàn rốt ráo an vui, nghĩa là thường tu tập trí vô phân biệt, dứt trừ hai chướng thô nặng trong bản thức, cho nên năng chuyển diệt y như sinh tử và năng chuyển chứng y như Niết-bàn, cho nên nói lia trí sở tri chuyển y tức giải thoát.

4. Các kinh nói có ba tánh:

“Được như huyễn tam-muội, vượt qua Thập địa... cho đến chỗ các bậc Thánh tu hành”: Là hỏi đã chỉ có một tánh không hai, vì sao kinh này và các kinh nói có ba tánh, gồm nhiếp tất cả?

Đáp: Nên biết ba tánh tuy tùy theo tướng phần nhưng mỗi tánh đều có hai nghĩa, tướng bốn mặt gồm thấu chỉ có một tánh. Vọng chấp hai nghĩa: 1. Tình hữu. 2. Lý vô. Duyên khởi có hai nghĩa: 1. Dường như hữu. 2. Vô tánh. Viên thành có hai nghĩa: 1. Bất biến. 2. Tùy duyên. Do bất biến trong viên thành, duyên khởi vô tánh, vọng chấp lý vô. Do ba nghĩa này, ba tánh một tế không có khác nhau. Cho nên kinh nói: Tất cả chúng sinh tức Niết-bàn không còn diệt nữa, đây thì không hoại ngọn mà thường là gốc. Do tùy duyên trong viên thành, duyên khởi dường như có, vọng chấp hữu tình. Do ba nghĩa này cũng không khác. Cho nên Kinh chép: Pháp thân trôi lăn trong năm đường gọi là chúng sinh,

cho nên gốc bất động mà thường là ngọn. Cho nên chân bao gồm ngọn vọng, vọng suốt nguồn chân, tánh tướng dung thông không hai. Cho nên kệ nói: “Ta chỉ nói một tánh, tự tánh không có hai”.

5. Hỏi đáp về tự tánh:

Hỏi: Đã không hoại ba tánh mà nói một tánh, thì tại sao kinh này và các kinh lại nói tất cả pháp đều không có tự tánh?

Đáp: Nên biết vì mật ý Như lai nói, cho nên Duy thức chép: Tức nương ba tánh này, lập ba vô tánh kia, nên Phật mật ý nói, tất cả pháp vô tánh, một là tướng vô tánh (nghĩa là vọng chấp thể tánh tướng đều không), kế vô tự nhiên tánh (y tha duyên khởi chẳng phải tự nhiên), sau do xa lìa trước, sở chấp ngã pháp tánh (là viên thành tánh). Đây là nói ba tánh ba vô tánh, không phải y viên thể cũng không, chỉ không chấp đắm vọng tình, cho nên đều nói vô tự tánh, vậy nên biết rất ráo chỉ là một thật tánh.

Cho nên kệ là kệ nói nghĩa của các pháp tánh này cũng tức là chân như, vì thường như tánh kia, tức thật tánh duy thức. Luận Trí Độ chép: Trừ thật tướng các pháp, ngoài ra đều là việc ma (có thể hiểu rõ ba tánh ba vô tánh này, tức là đối với kinh này và các kinh, nói tất cả pháp tánh phi tánh, lý như chẻ tre).

6. Các pháp là bất sanh bất diệt, rất ráo thường trú:

“Như bốn đại không điều, thay đổi thấy huỳnh quang... cho đến không sinh cũng không diệt”. Kẻ ngu chấp tùy vọng duyên cho rằng có sinh diệt. Cho nên kinh Viên Giác chép: Tất cả chúng sinh đối với vô sinh vọng thấy sinh diệt, như thật quán là rõ vọng tức chân bất sinh bất diệt. Cho nên kinh trước nói: Tức nói vọng danh này là chân như. Nhưng nghĩa không sinh diệt, ba tánh khác nhau, nghĩa là vọng chấp tánh, không có thể tánh để sinh để diệt, y tha khởi tánh tức sinh bất sinh, tức diệt bất diệt, viên thành thật tánh tự thể vốn có, không đợi mới sinh, tận mé vị lai rất ráo thường trú, không bao giờ dứt diệt. Nếu dùng ba tánh đối nhau thì mỗi tánh y theo tự tướng mà luận, tức là pháp vọng chấp vọng sinh vọng vọng diệt, viên thành chân tâm bất sinh bất diệt. Y tha có hai, nghĩa là tướng đồng vọng chấp tự sinh tự diệt, tánh đồng viên thành bất sinh bất diệt. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả pháp không sinh, tất cả pháp không diệt, do y tha duyên khởi, không có tự tánh riêng, hoàn toàn đồng viên thành, mới ngộ được ý này. Các kinh Đại Thừa nói tất cả pháp bất sinh bất diệt, rất ráo thường trú v.v... đều không có các uẩn khác.

7. Nói về tám thức:

“Thường hành vô phân biệt, xa lìa tâm tâm pháp... cho đến cho nên gọi là thức”. Tiếng Phạm A-lại-da, Hán dịch là tạng thức, nghĩa là thức căn bản thứ tám có khả năng chứa đựng gom nhóm hạt giống của tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, cho nên nói tạng thức gọi là tâm. Nhưng thức này có năng tàng, sở tàng. Nghĩa chấp tàng, nghĩa là xen lẫn với tạp nhiễm làm duyên. Hữu tình chấp làm ngã bên trong của mình, do ba nghĩa này được gọi tên là tạng thức, nếu Bồ-tát này đến địa thứ tám, và bậc hai thừa vô học chỉ có năng tàng sở tàng, vì không có ngã ái chấp tàng, nên thức này gồm có ba vị và bảy thứ tên, như ở chương khác nói. Tiếng Phạm là Mạt-na, Hán dịch nhiệm ô ý, nghĩa là truyền tổng thức thứ bảy đi chung với bốn hoặc, thường xét nét so lường gọi là ý, cho nên nói tư lương dùng làm ý. Lại nêu tên ý làm giảm tâm (thứ tám). Thức (sáu thức trước) chứa nhóm biết rõ các thức yếu kém khác. Nêu tên tâm thức nên biết cũng như vậy. Sáu chuyển thức trước, tùy sáu căn cảnh, vì chủng loại khác gọi là nhãn thức... cho đến ý thức (tùy căn mà đặt tên), hoặc gọi sắc thức cho đến pháp thức (tùy căn mà đặt tên). Nghĩa là đối với sáu cảnh rõ biết gọi là Thức. Nhưng ở đây tùy cảnh lập tên đại thức gọi là y ngũ sắc căn chưa tự tại nói. Nếu được tự tại các căn hỗ dụng. Một căn phát thức thì liễu tất cả cảnh, chỉ có thể tùy căn lập tên mà không có xen lạm nhau, cũng gọi là nghĩa tâm chứa nhóm nghĩa ý tư lương. Nghĩa thức rõ biết, đều chia làm hai thứ, chứa nhóm có hai: 1. Chứa nhóm hành tướng. 2. Chứa nhóm hạt giống. Trước nêu chung các thức, sau chỉ có thức thứ tám. Tư lương có hai: 1. Vô gián ý. 2. Hiện tư tướng. Ban đầu nêu chung các thức, sau chỉ thức thứ bảy. Rõ biết có hai: 1. Tế. 2. Thô. Tế thì có khắp các thức, thô chỉ cho sáu thức trước. Cho nên kinh Hoa Nghiêm dạy: Các nghiệp luống dối chứa nhóm gọi là tâm, Mạt-na tư lương, ý thức phân biệt, năm thức như nhãn thức... liễu cảnh khác nhau. Phạm phu ngu si không thể giác biết, nếu theo giáo lý Tiểu thừa thì chỉ nói có thức thứ sáu, nghĩa chia ra tâm ý thức, đối với A-lại-da chỉ được tên gọi. Nếu Đại thừa quyền giáo đối với A-lại-da chỉ được một phần nghĩa sinh diệt, mà đối với chân tánh chưa thể dung thông, tức nói chân như bất động, không tạo các pháp. Kinh này như thật nói, nghĩa là nương Như lai Tạng cho nên có sinh tử, nương Như lai Tạng cho nên có Niết-bàn. Luận nói rằng tự tánh thanh tịnh, tâm bị vô minh làm nhiễm có nhiễm tâm. Tuy có nhiễm tâm mà thường bất biến, đó gọi là chân vọng hòa hợp, chẳng đồng chẳng khác, có thể thành pháp môn một tâm hai đế, không rơi vào kiến chấp đoạn thường, hữu vô.

8. Ác tập luân vào tâm, hiện ra các tướng:

“Tâm thường là vô thuyết, ý có hai thứ hành... cho đến mê hoặc chấp ma luân”: Ở đây nói ác tập luân vào tâm, hiển hiện các tướng. Lại nói vô minh luân vào tâm, hiện ra các chúng sinh, cho nên biết hữu tình chúng sinh, vô tình khí giới đều do vô minh luân tập ma ăc. Cho nên Trí Giác nói rằng: Nơi một viên trạm tách ra căn trần, chứa nhóm bốn đại bên trong làm thân, chia bốn đại bên ngoài làm cảnh. Nếu lìa duyên huân tập, chắc chắn không có pháp nào để đắc. Nói huân tập gồm có hai thứ: 1. Tập huân: nghĩa là huân tâm thể thành nhiễm tịnh thức v.v... 2. Tư huân: nghĩa là hiện hành tâm cảnh và các hoặc giúp nhau... cho nên luận Khởi Tín chép: Có bốn nghĩa pháp huân tập, pháp nhiễm pháp tịnh sinh khởi không dứt. Bốn nghĩa ấy là: 1. Tịnh pháp gọi là chân như; 2. Tất cả nhân nhiễm gọi là vô minh; 3. Vọng tâm gọi là nghiệp thức; 4. Vọng cảnh, chính là sáu trần. Nghĩa huân tập, như y phục ở đời, ban đầu chẳng có thơm hôi, tùy theo vật huân mà có mùi đó. Ở đây cũng vậy pháp thanh tịnh chân thật không ô nhiễm, chỉ do vô minh huân tập mà có nhiễm tướng, pháp nhiễm vô minh thật chẳng có nghiệp thanh tịnh, chỉ vì chân như mà huân tập cho nên có công dụng thanh tịnh. Tại sao huân tập khởi nhiễm pháp không dứt trừ. Có chỗ nói do có pháp chân như nên có vô minh, do có pháp nhiễm vô minh tức huân tập chân như, do huân tập cho nên có vọng tâm, do có vọng tâm tức huân tập vô minh, không hiểu pháp chân như, bất giác khởi niệm hiện cảnh giới vọng. Vì có cảnh giới pháp vọng duyên nhiễm, tức huân tập vọng tâm, khiến niệm kia chấp đắm tạo ra các nghiệp, nên cả thân tâm đều phải chịu khổ. Vì sao huân tập khởi pháp thanh tịnh thông dứt? Nghĩa là do có pháp chân như, có công năng huân tập vô minh, vì năng lực nhân duyên huân tập nên khiến vọng tâm nhằm chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn, vì vọng tâm này có nhân duyên chán cầu, tức huân tập chân như, tự tin tánh mình, biết tâm vọng động chấp đắm cảnh giới, phải tu pháp xa lìa, để biết như thật về cảnh giới ấy mà phương tiện khởi hạnh thuận theo, không chấp lấy không nhớ nghĩ, cho đến nhờ năng lực huân tập đã lâu thì vô minh liền diệt. Do vô minh diệt nên tâm không sinh khởi, vì tâm không sinh khởi nên cảnh giới do đó mà diệt, vì nhân duyên đều diệt nên tâm tướng đều dứt, gọi là đắc Niết-bàn, thành nghiệp tự nhiên..., cho đến nói rộng.

Kẻ ngu cũng giống như vậy, vọng chấp các cảnh giới... cho đến không có cảnh, chỉ là tâm.

9. Hỏi đáp về nhãn thức thấy sắc và không thấy:

Hỏi: Đã không có cảnh, chỉ là tâm thì kẻ tà kiến chấp cảnh bên ngoài lẽ ra bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu đều thấy có sắc, hoặc đều không thấy, vì sao khi thời xứ có sắc, chỉ có nhãn thức thấy sắc, còn khi thời xứ không sắc thì không thấy?

Đáp: Như người trong mộng thấy các vật và cảnh giới, tuy tất cả đều không thật, chỉ do luống dối mộng tưởng tâm khởi, nhưng cũng không bằng thấy nơi có vật, thấy chỗ không vật, hoặc trước thấy sau không thấy, hoặc đầu không thấy sau thấy, chẳng phải mọi nơi đều thấy, cũng chẳng phải một thời gian dài mới thấy. Cho nên thức luận chép: Ở chỗ có sắc, nhãn thì thấy sắc, còn chỗ không có sắc thì không thấy sắc, nghĩa này không như vậy. Vì sao? Vì trong mộng kia ở chỗ không có sắc thì thấy có sắc, ở chỗ có sắc thì không thấy có sắc. Tâm thức biến khởi tất cả các pháp, không mà thấy có, cũng giống như vậy.

Hỏi: Nếu thế thì vì sao nhiều người cùng một chỗ, cùng một lúc mà sao có chỗ thấy có, không chỗ thì thấy không, có thời thì thấy có, không thời thì thấy không ư?

Đáp: Thí như trăm ngàn loài ngựa quý, đồng nường nghiệp lực, đều ở chỗ không có máu mủ lửa dữ... cùng lúc nhìn thấy, đâu phải dòng sông nước trong thật có lửa dữ ư! Cho nên nói không có cảnh chỉ có tâm thức.

10. Bạc Thánh nội chứng, thường sống trong vô niệm:

“Như lý chánh quán sát năng thủ, sở thủ đều diệt... cho đến thường trụ ở vô niệm”. Bạc Thánh nơi chứng thường trụ vô niệm, nghĩa là chân tâm vô niệm là tông của Phật giáo. Cho nên luận Khởi Tín chép: Tất cả pháp xưa nay do tâm, thật vô niệm, mà do vọng tâm bất giác khởi niệm, thấy các cảnh giới cho nên nói vô minh. Nếu quán sát biết tâm vô niệm thì được thuận theo nhập chân như môn. Vì vậy cho nên người học tuy liễu ngộ tu hành, mong tròn đầy chủng trí chỉ lấy vô niệm làm tông. Nhưng được vô niệm thì việc tạo ác tự nhiên ít dần, bi trí tự nhiên thêm nhiều, tội nghiệp tự nhiên tiêu trừ, công hạnh tự nhiên tinh tấn, đối với giải thì thấy các tướng chẳng phải tướng, đối với hạnh thì gọi là vô tu, mà tu thì khi nghiệp chướng, thói quen hết thì sinh tử không còn sinh, diệt diệt rồi thì vắng lặng hiện ra, ứng dụng vô cùng gọi là Phật.

11. Như lai nói theo căn cơ tiểu thừa:

Tương ưng với nhân mê hoặc chấp thế gian là thật... cho đến chúng sinh nhãn thức sinh: Đoạn này là một bài kệ cuối Như lai thuận theo căn cơ Tiểu thừa mà nói. Khi nhãn thức của chúng sinh có duyên đủ năm duyên như căn, cảnh, v.v... thì từ tạng thức sinh, nhưng thức thứ

tám đều nhờ duyên mới sinh. Nếu một để lệ nhiều, chỉ nói nhãn thức. Nếu y theo nghĩa Đại thừa thì nhãn thức là một trong tám thức nương nhờ vào chín duyên mà sinh: đó là không, minh, căn, cảnh, tác ý, căn bản, nhiễm tịnh, phân biệt, hạt giống. Nhĩ thức chỉ nhờ tám duyên mà khởi tức là trong chín duyên trừ minh. Ba thứ tỷ, thiệt, thân đều nhờ bảy duyên thức mới được chuyển, tức là trong tám duyên trừ không. Ý thức thứ sáu nương năm duyên sinh, tức là trong bảy duyên trừ nhiễm tịnh và phân biệt. Thức thứ bảy có bốn duyên sinh, tức là trong năm duyên trừ căn bản, hoặc ba duyên sinh, vì căn và cảnh đều thuộc thức thứ tám. Thức thứ tám có bốn duyên sinh, tức là trong năm duyên trừ căn bản, vì thức thứ bảy là căn sở y cho nên nếu thêm Đẳng vô gián duyên thì như thứ lớp mười, chín, tám, sáu, bốn, năm các duyên mà sinh. Như có bài tụng rằng: Nhãn thức chín duyên sinh, nhĩ thức chỉ có tám mũi, lưỡi, thân thì bảy, ý năm mặt-na ba, A-lại-da có bốn. Nếu thêm Đẳng vô gián thì mỗi thức ở trước đều tăng thêm một. Cho nên kệ Duy thức chép: Y chỉ căn bản thức, các thức tùy duyên hiện, hoặc câu hoặc bất câu, như sóng mồi nương nước, ý thức thường hiện khởi, trừ sinh trời Vô tướng, và hai định vô tâm, ngủ say và chết.

12. Hỏi đáp về mười hai duyên khởi:

“Thủ: là năng thủ sở thủ, danh sự đều không có... cho đến ta nói là duy tâm”.

Hỏi: Mười hai hữu chi nhân duyên là pháp nhân quả trôi lăn trong ba đời của tất cả chúng sinh, đâu được nói không, chỉ là nhất tâm phải không?

Đáp: Xưa nay vốn không, chỉ do một niệm gió vô minh, thổi động biển chân như, thành mười hai nhân duyên khởi, là lý do trôi lăn, nếu rõ đó là Phật, sóng mồi của biển trí, tối tăm thành nước chảy quanh trong sông sinh tử. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Không hiểu Đệ nhất nghĩa gọi là vô minh, nhân mê muội không hiểu biết, thành hoặc nghiệp các khổ. Hiểu rõ thật tánh của vô minh, thành tâm mẫu nhiệm Niết-bàn. Nếu mê thì là hoặc nghiệp, trở thành ba đường: 1. Ba chi: Vô minh, ái, thủ là phiền não đạo. 2. Hai chi: Hành, hữu là nghiệp đạo. 3. Bảy chi: Thức, danh, sắc, sáu nhập, xúc, thọ, sinh tử là khổ đạo. Nếu ngộ thì thành ba nhân Phật tánh: 1. Thức, danh, sắc, sáu nhập, xúc, thọ, sinh tử là chánh nhân Phật tánh. 2. Vô minh, ái, thủ là liễu nhân Phật tánh. 3. Hành, hữu là duyên nhân Phật tánh. Các nghĩa như vậy chỉ là nhất tâm, tùy duyên mê ngộ, phái thành nhiều thứ, tuy thành nhiều thứ không lìa nhất tâm (như kinh Hoa Nghiêm chép: Địa thứ sáu có mười

thứ thuận nghịch quán mười hai nhân duyên đều không lìa duy tâm). Cho nên kinh Đại Tập chép: Mười hai nhân duyên, một người nhất niệm thấy đều đầy đủ, chỉ tùy một cảnh nhất niệm khởi thì không có gì là không đầy đủ (chẳng riêng như thường dùng Tam thế luận). Vả lại như nhãn căn thấy sắc mà không biết rõ gọi là vô minh sinh ái ác gọi là hành, trong đây tâm ý gọi là Thức. Sắc và thức hành tức là danh sắc. Sáu xứ sinh tham gọi là sáu nhập, sắc và nhãn đối nhau gọi là xúc, lãnh nạp gọi là thọ, đối với sắc bị trói buộc gọi là ái, tưởng sắc tướng gọi là thủ, niệm sắc tâm khởi gọi là hữu, tâm sinh gọi là sinh, tâm diệt gọi là tử... cho đến tai nghe tiếng, ý biết pháp, ở trong một niệm mỗi mỗi như vậy. Một ngày một đêm khởi bao nhiêu niệm, bao nhiêu niệm kết hợp mười hai nhân duyên thành sáu đường sinh tử vô cùng tận, cho nên biết sinh tử vô tự thể, hoàn toàn là Như lai Tạng tâm Độ nhất nghĩa, mê ngộ nổi chìm hoàn toàn không thật có. Cho nên luận Khởi Tín chép: Có chỗ nói tất cả cảnh giới do tâm vọng khởi mà có, nếu tâm lìa vọng động thì cảnh giới diệt, chỉ một chân tâm chẳng có nơi nào không trùm khắp, chẳng lẽ không phải là duy nhất tâm ư!

